TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2024.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Danh Quý.
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà:* Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 425/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N – sinh năm 1998, có mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Anh Danh C - sinh năm 1993, có mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N như sau:

Chị kết hôn với anh Danh C vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng chị có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/8/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Cường bạo L gia đình nên vợ chồng ly thân 04 năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, chị xét thấy cuộc sống hôn nhân

không còn hàn gắn được, chị không còn tình cảm yêu thương anh Danh C nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh C.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng chị có 01 người con chung tên Danh Trần Thiên B – sinh ngày 08/7/2017, hiện chị đang nuôi dưỡng và sống cùng bà ngoại của cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị cam đoan vợ chồng chị không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Danh C.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Danh Trần Thiên B – sinh ngày 08/7/2017 và không yêu cầu anh Danh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh C trình bày: Anh và chị N kết hôn vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng anh có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/8/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mất lòng tin với nhau, sau khi cưới thì vợ chồng lên Bình Dương sống nhưng chị N không lo nấu cơm cho anh ăn trong khi anh đi làm kiếm tiền về lo cho gia đình. Anh không cho chị N qua nhà chị 2 của chị N chơi nhưng chị N vẫn đi nên anh có nắm đầu và bạc tay chị N 01 lần vào năm 2018. Sau đó thì chị N bỏ đi và qua Đồng Nai làm thuê và ở trọ ở đó. Anh có đến nhà trọ chị N ở để xin đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh có 01 người con chung tên Danh Trần Thiên B – sinh ngày 08/7/2017, hiện sống cùng bà ngoại của cháu nhưng anh thường xuyên rước cháu về nội chơi và lo tiền cho cháu học hành nên anh C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh C cam đoan vợ chồng anh không có nợ chung.

Tại phiên tòa anh C không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho Chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Danh C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D Trần Thiên B – sinh ngày 08/7/2017 cho Chị Trần Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Chị Trần Thị Hồng N và anh Danh C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và anh Danh C có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 178/2017, ngày 04/8/2017, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của Chị Trần Thị Hồng N và anh Danh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của Chị Trần Thị Hồng N và anh Danh C là hôn nhân tự nguyện và vợ chồng chị có thời gian chung sống hạnh phúc hơn 02 năm và có 01 người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Chị Trần Thị Hồng N cho rằng anh Cường bạo L gia đình, đánh chị nên vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay còn anh C cho rằng do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mất lòng tin với nhau, sau khi cưới thì vợ chồng lên Bình Dương sống nhưng chị N không lo nấu cơm cho anh ăn trong khi anh đi làm kiếm tiền về lo cho gia đình. Anh

không cho chị N qua nhà chị 2 của chị N chơi nhưng chị N vẫn đi nên anh có nắm đầu và bạc tay chị N 01 lần vào năm 2018. Sau đó thì chị N bỏ đi và qua Đồng Nai làm thuê và ở trọ ở đó. Anh có đến nhà trọ chị N ở để xin đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Ngày 30/11/2023, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, vợ chồng Chị Trần Thị Hồng N và anh Danh C đã sống ly thân với nhau tính đến ngày xét xử là 05 năm. Trong thời gian này, anh C và chị N vẫn không thể hàn gắn được Đồng thời, chị N cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương anh C nên cương quyết xin ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng N và anh D C có 01 người con chung tên Danh Trần Thiên B – sinh ngày 08/7/2017, cháu B đang sống với bà ngoại. Cả chị N và anh C đều có nguyện vọng muốn nuôi con. Ngày 20/12/2023, Tòa án có tiến hành xác minh đối với ông Đanh Đ là trưởng ấp A, xã Đ xác nhận cháu B sống với bà ngoại và cháu vẫn phát triển bình thường như những đứa trẻ khác, vẫn được đi học. Chị N đi làm xa nhưng thường xuyên về thăm con và gửi tiền về nuôi con còn anh C có tới lui thăm nom hay gửi tiền lo cho cháu B không thì ông không biết do ông không thấy. HĐXX thấy rằng từ khi ly thân đến nay chị N vẫn chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu B và cháu vẫn phát triển bình thường như những đứa trẻ khác, vì vậy, để đảm bảo tâm lý và sự phát triển bình thường cho cháu B HĐXX xét thấy giao cháu B cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Hồng N không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N và anh Danh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa, sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện kiểm sát có đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chị Trần Thị Hồng N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000811, ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Danh C

2. Về con chung: Giao cháu D Trần Thiên B – sinh ngày 08/7/2017 cho Chị Trần Thị Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Danh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000811, ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Tôn